

Bản án số: **86/2023/HSST**
Ngày: 16/11/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Th

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng và bà Lê Thị Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Hoàng Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Huy Tú và bà Vũ Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 90/2023/HSST ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1979, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc M (đã chết) và bà Trần Thị Ngọc, sinh năm 1946; có vợ là Vũ Thị P, sinh năm 1980 và có 03 con; lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 14/7/2023 đến ngày 21/7/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Duy Đ, sinh ngày 03 tháng 12 năm 1984, tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Duy Ngung (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1949; có vợ là Nguyễn Thị Hoài T là bị cáo trong cùng vụ án và 03 con; con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền sự: Không; Tiền án: 01. Bản án số 11/HSST ngày 23/02/2022 của Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Nhân thân: Năm 2017, bị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (bản án số 04/2017/HSST ngày 19/01/2017); Tháng 9/2017, bị Toà án nhân dân thành phố Yên Bái áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng (đã chấp hành xong).

Tạm giữ ngày 14/7/2023 đến ngày 21/7/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Thị Đ, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1978, tại Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 02, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Duy Ngung (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1949; có chồng là Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1973 và 02 con; con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 116/2010/HSST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” (đã được xóa án tích).

Tạm giữ ngày 14/7/2023 đến ngày 21/7/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang được tại ngoại tại tổ 02, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

4. Dương Ngọc L, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1972, tại Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn Lương Thịnh, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Ngọc Bích (đã chết) và bà Đặng Thị Tơ, sinh năm 1942; có vợ là Nguyễn Thị Kim Ánh, sinh năm 1975 và 02 con; con lớn sinh năm 1997; con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 16/7/2023 đến ngày 21/7/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại thôn Lương Thịnh, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1990, tại Phú Thọ. Nơi cư trú: Tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đức Thành, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Hợp, sinh năm 1962; có chồng là Vũ Duy Đ (bị cáo trong cùng vụ án) và 03 con; con lớn sinh năm 2011; con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 14/7/2023 đến ngày 21/7/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa

6. Vũ Thị Hoa T, sinh ngày 17 tháng 12 năm 1976, tại Yên Bái. Nơi cư trú: Tổ 03, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Duy Ngung (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1949; có chồng là Đinh Tiến Dũng, sinh năm 1972 (đã ly hôn) và 02 con; con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại tổ 03, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ 02, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

2. Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh 1989. Trú tại: Tổ 12, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3. Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 11, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

4. Ngô Thanh T, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ 04, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

5. Hoàng Thị Thu T, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 13, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

6. Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 01, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

7. Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1996 và Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1985. Đều trú tại: Tổ 10, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

8. Nguyễn Thị V, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ 01, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

9. Nguyễn Trung K, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn Văn Liên, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

10. Lê Tiến S, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

11. Trần Hữu M, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn Văn Quỳ, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

12. Nguyễn Thị N, sinh năm 1998. Trú tại: Thôn Bảo L, xã Bảo H, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

13. Phạm Thị H, sinh năm 1996. Trú tại: Thôn Đông Trò, xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

14. Nguyễn Mạnh D, sinh năm 2000. Trú tại: Thôn Bảo L, xã Bảo H, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;

15. Nguyễn Thị Thạch T, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ 05, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái;

16. Vũ Thị P, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ 02, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tên nêu trên đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa năm 2022 đến tháng 7 năm 2023, các đối tượng Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Vũ Thị Hoa T, Nguyễn Thị Hoài T và Dương Ngọc L đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời. Các đối tượng đều không đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật và cho khách vay tiền dưới hai hình thức: “Vay lãi đứng” nghĩa là trả tiền lãi riêng theo ngày hoặc tháng, khi có tiền thì trả tiền gốc, không thì vẫn duy trì tính lãi suất và “Vay bốc bát họ” nghĩa là trả tiền trong số ngày thỏa thuận, trả tiền theo ngày (trong đó có cả tiền lãi, tiền gốc), khi có tiền thì trả lúc nào cũng được miễn là hết số tiền thỏa thuận ban đầu. Khi vay tiền thì có khách vay viết giấy, có khách vay không phải viết giấy, tùy theo mối quan hệ và không khách nào phải để lại đồ vật, tài sản làm tin, các bị cáo cho vay với mức lãi suất cao từ 4.666 đồng đến 15.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng từ 170,33%/năm đến 547,5%/năm, cao gấp 8,51 lần đến 27,37 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

* Quá trình điều tra các bị cáo cùng người vay tiền khai nhận mỗi lần trả lãi thì trả trực tiếp hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Do đó đã xác định các bị cáo cho người khác vay tiền và thu lời bất chính cụ thể như sau:

Số tiền thu lời bất chính được tính theo công thức: Lãi 20%/ 365 ngày x với số tiền vay x với số ngày vay. Trong đó 20% là lãi suất tối đa/ trên một năm của khoản vay theo quy định của Bộ luật dân sự 2015.

1. Nguyễn Xuân H cho những người sau vay tiền:

1.1. Nguyễn Thị Bích Th:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 09/5/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333

đồng/ngày/triệu, tương ứng với 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 24/5/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, hình thức “Vay lãi đứng” với mức lãi là 8.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 292%/năm (gấp 14,6 lần mức quy định). Th đã trả tiền lãi từ 24/5/2022 đến 04/6/2022 (tương ứng 10 ngày) với số tiền là 2.400.000 đồng. *Thu lợi bất chính số tiền là 2.235.616 đồng.*

Từ ngày 05/6/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng và tính đến ngày 21/01/2023 (tổng là 231 ngày) Th trả tiền lãi được 35.600.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 5.137 đồng/ngày/triệu hoặc 187,5%/năm (gấp 9,375 lần mức quy định) và còn nợ tiền gốc 30.000.000 đồng. *Thu lợi bất chính số tiền là 31.802.739 đồng. Tổng số tiền của thu lợi bất chính của lần vay lần này là: 34.038.355 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 09/6/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 18/7/2022 vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành tổng số tiền 80.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 18.684.931 đồng.*

- Lần vay thứ năm: Ngày 23/8/2022 vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành tổng số tiền 80.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 18.684.931 đồng.*

- Lần vay thứ sáu: Ngày 22/9/2022 vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành tổng số tiền 80.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 18.684.931 đồng.*

- Lần vay thứ bảy: Ngày 26/10/2022, vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành tổng số tiền 80.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại thì Th đã trả được tổng số tiền là 68.500.000

đồng, còn nợ 11.500.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 18.684.931 đồng.*

1.2. Nguyễn Thị Thùy Linh:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 16/6/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 26 ngày thành tổng số tiền 26.000.000 đồng (trong đó có 20.000.000 đồng tiền gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 11.538 đồng/ngày/triệu hoặc 421,137%/năm (gấp 21,05 lần mức quy định). Linh đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 5.715.068 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 13/7/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Linh đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 23/8/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Linh đã trả đầy đủ theo thỏa thuận, đến khi trả được 30.000.000 đồng còn 10.000.000 đồng thì Linh bảo đang khó khăn xin H số tiền còn lại và H đã đồng ý cho Linh nên hiện không còn nợ. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 9.342.465 đồng.*

1.3. Nguyễn Ngọc Y:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 07/2/2023 vay 100.000.000 đồng, một tháng trả tiền lãi 14.000.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 4.666 đồng/ngày/triệu hoặc 170,3%/năm (gấp 8,51 lần mức quy định). Y trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 07/4/2023 (02 tháng tương ứng là 60 ngày) với tổng số tiền là 28.000.000 đồng và trả tiền gốc, hiện không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 24.712.328 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 26/4/2023 vay 50.000.000 đồng, một tháng trả tiền lãi 7.000.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 4.666 đồng/ngày/triệu hoặc 170,3%/năm (gấp 8,51 lần mức quy định). Y trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 26/5/2023 (01 tháng tương ứng là 30 ngày) với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. *Thu lợi bất chính số tiền là: 6.178.082 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 26/5/2023 vay thêm 50.000.000 đồng và gộp lần vay thứ hai thành tổng vay số tiền 100.000.000 đồng, một tháng trả tiền lãi 14.000.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 4.666 đồng/ngày/triệu hoặc 170,33%/năm (gấp 8,51 lần mức quy định). Từ ngày vay 26/5/2023 đến ngày 26/6/2023 trả được 01 tháng (30 ngày) tiền lãi với tổng số tiền lãi là 14.000.000 đồng. Sau đó thống nhất sẽ không tính lãi suất, hiện vẫn còn nợ tiền gốc 100.000.000 đồng. *Thu lợi bất chính số tiền là: 12.356.164 đồng*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Nguyễn Xuân H là: 195.109.581 đồng.

2. Bị can Vũ Duy Đ cho những người sau vay tiền

2.1. Ngô Thanh T (hình thức vay lãi đứng):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 08/9/2022 vay số tiền 40.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 08/9/2022, T đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 08/5/2023 (08 tháng tương ứng là 240 ngày) với tổng số tiền là 48.000.0000 đồng. Từ ngày 09/5/2023 đến ngày 11/7/2023 (63 ngày) T chưa trả tiền lãi tương ứng với số tiền là 12.600.000 đồng và Đức, T thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do Đ bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của Đ). Hiện tại T đã trả 40.000.000 đồng tiền gốc, không còn nợ. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 53.958.904 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 42.739.726 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 16/9/2022 vay số tiền 15.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 16/9/2022 T đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 16/01/2023 (04 tháng tương ứng là 120 ngày) với tổng số tiền là 9.000.0000 đồng và trả tiền gốc, hiện không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 8.013.698 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 14/10/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 14/10/2022 T đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 14/01/2023 (03 tháng tương ứng là 90 ngày) với tổng số tiền là 4.500.0000 đồng và trả tiền gốc, hiện không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 4.006.849 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 24/02/2023, vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 24/02/2022 T đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 24/6/2023 (04 tháng tương ứng là 120 ngày) với tổng số tiền là 30.000.0000 đồng. Từ ngày 25/6/2023 đến ngày 11/7/2023 (17 ngày) T chưa trả tiền lãi tương ứng với số tiền là 4.250.000 đồng và Đức, T thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do Đ bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của Đ). Hiện tại T đã trả 50.000.000 đồng tiền gốc, không còn nợ. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 30.496.575 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 26.712.328 đồng.*

2.2. Nguyễn Thị Bích Th:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 06/9/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 11/10/2022 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000

đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

2.3. Hoàng Thị Thu Th: Ngày 05/6/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng hình thức “Bốc bát họ”, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Vũ Duy Đ là: 124.503.421 đồng;

3. Bị can Vũ Thị Đ cho những người sau vay tiền:

3.1. Nguyễn Thị H (hình thức bốc bát họ):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 02/5/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). H đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 05/5/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). H đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 09/5/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). H đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 07/6/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). H đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính bị truy cứu trách nhiệm hình sự; tiền thu lợi bất chính thực tế là 37.369.863 đồng.

3.2. Nguyễn Thị Bích Th: Ngày 15/6/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có

30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Th đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

3.3. Nguyễn Thị Hồng N và chồng là Nguyễn Mạnh H (hình thức vay Bốc bát họ):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 07/2/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 30 ngày với tổng số tiền 19.000.000 đồng (trong đó có 15.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.889 đồng/ngày/triệu hoặc 324,4%/năm (gấp 16,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 3.753.424 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 03/4/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 30 ngày với tổng số tiền 19.000.000 đồng (trong đó có 15.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.889 đồng/ngày/triệu hoặc 324,4%/năm (gấp 16,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 3.753.424 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 31/5/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 20 ngày với tổng số tiền 13.000.000 đồng (trong đó có 10.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 15.000 đồng/ngày/triệu hoặc 547,5 %/năm (gấp 27,37 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 2.890.410 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 01/7/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 30 ngày với tổng số tiền 19.000.000 đồng (trong đó có 15.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8,889 đồng/ngày/triệu hoặc 324,4%/năm (gấp 16,2 lần mức quy định). Tuy nhiên đến ngày 10/7/2023 (10 ngày) vợ chồng Nh, H đã trả tổng số tiền là 6.500.000 đồng và nợ lại 12.500.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính là: 3.753.424 đồng.*

3.4. Nguyễn Thị V (hình thức vay bốc bát họ).

- Lần vay thứ nhất: Ngày 28/4/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 39 ngày với tổng số tiền 39.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.692 đồng/ngày/triệu hoặc 280,7 %/năm (gấp 14,03 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 8.358.904 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 01/5/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 39 ngày với tổng số tiền 39.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.692 đồng/ngày/triệu hoặc 280,7 %/năm (gấp 14,03 lần mức quy định).

Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 8.358.904 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 05/6/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 39 ngày với tổng số tiền 39.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.692 đồng/ngày/triệu hoặc 280,7 %/năm (gấp 14,03 lần mức quy định). Hiện tại Vân đã trả tổng số tiền là 37.000.000 đồng và nợ lại 2.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 8.358.904 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 09/6/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 39 ngày với tổng số tiền 39.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.692 đồng/ngày/triệu hoặc 280,7 %/năm (gấp 14,03 lần mức quy định). Hiện tại Vân đã trả tổng số tiền là 33.000.000 đồng và nợ lại 6.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 8.358.904 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Vũ Thị Đ là: 94.298.623 đồng.

4. Bị can Nguyễn Thị Hoài T cho Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1971, trú tại tổ 02, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái vay tiền 10 lần, hình thức vay “Bốc bát họ” cụ thể như sau:

- Lần vay thứ nhất: Ngày 17/5/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 30 ngày thành tổng số tiền là 26.100.000 đồng (trong đó tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 6.100.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.166 đồng/ngày/triệu hoặc 371 %/năm (gấp 18,5 lần mức quy định). Thủy đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 5.771.232 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 30/5/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 16/6/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 30 ngày thành tổng số tiền là 26.100.000 đồng (trong đó tiền vay là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 6.100.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.166 đồng/ngày/triệu hoặc 371 %/năm (gấp 18,5 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 5.771.232 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 13/7/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ năm: Ngày 14/8/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ sáu: Ngày 20/8/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ bảy: Ngày 16/9/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ tám: Ngày 22/9/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ chín: Ngày 19/10/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 9.342.465 đồng.*

- Lần vay thứ mười: Ngày 24/10/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 40 ngày thành số tiền 40.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền vay gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 8.333 đồng/ngày/triệu hoặc 304,15%/năm (gấp 15,2 lần mức quy định). Hiện đã trả tổng được là 34.000.000 đồng, vẫn nợ 6.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 9.342.465 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Nguyễn Thị Hoài T là: 86.282.184 đồng.

5. Bị can Dương Ngọc L cho những người sau vay tiền:

5.1. Hoàng Thị Thu Th (Hình thức vay Bốc bát họ):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 30/8/2022, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 38 ngày thành tổng số tiền 38.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi

suất là 7.017 đồng/ngày/triệu hoặc 256,12%/năm (gấp 12,8 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.375.342 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 03/10/2022, vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 38 ngày thành tổng số tiền 76.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.017 đồng/ngày/triệu hoặc 256,12%/năm (gấp 12,8 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 14.750.684 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Vào giữa tháng 11/2022, vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 38 ngày thành tổng số tiền 76.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.017 đồng/ngày/triệu hoặc 256,12%/năm (gấp 12,8 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 14.750.684 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 29/03/2023, vay số tiền 60.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 38 ngày thành tổng số tiền 76.000.000 đồng (trong đó có 60.000.000 đồng tiền gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.017 đồng/ngày/triệu hoặc 256,12%/năm (gấp 12,8 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 14.750.684 đồng.*

- Lần vay thứ năm: Ngày 07/5/2023, vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả trong 38 ngày thành tổng số tiền 38.000.000 đồng (trong đó có 30.000.000 đồng tiền gốc và 8.000.000 đồng tiền lãi). Tương ứng với mức lãi suất là 7.017 đồng/ngày/triệu hoặc 256,12%/năm (gấp 12,8 lần mức quy định). Hiện đã trả số tiền là 31.000.000 đồng, còn nợ 7.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 7.375.342 đồng.*

5.2. Nguyễn Trung K (Hình thức vay lãi đúng):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 01/01/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng đến ngày 11/01/2023 (10 ngày) thì Khiển trả tiền lãi là 1.000.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 5.000 đồng/ngày/triệu hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Đã trả tiền gốc và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 890.410 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 12/01/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận một tháng phải trả tiền lãi là 3.500.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 5.833 đồng/ngày/triệu hoặc 212,9%/năm (gấp 10,64 lần mức quy định). Từ ngày 12/01/2023 Khiển trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 12/3/2023 (02 tháng tương ứng 60 ngày), với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. *Thu lợi bất chính số tiền là 6.342.465 đồng.*

Đến ngày 13/3/2023, Khiển trả tiền vay 10.000.000 đồng, nợ lại 10.000.000 đồng, thỏa thuận một tháng trả tiền lãi là 1.800.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 6.000 đồng/ngày/triệu hoặc 219%/năm (gấp 10,95 lần mức quy định). Đối với khoản 10.000.000 đồng này thì Khiển đã trả tiền lãi đến

ngày 13/6/2023 (03 tháng tương ứng 90 ngày) với tổng số tiền là 5.400.000 đồng. Từ 14/6/2023 đến ngày 15/7/2023 (32 ngày) Khiển chưa trả tiền lãi tương ứng với số tiền là 1.920.000 đồng và L, K thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do L bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của L). Hiện còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 6.651.506 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 4.906.849 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính lần vay thứ hai tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 12.993.971 đồng. Tổng số tiền thu lợi thực tế là 11.249.314 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 18/3/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận một tháng phải trả tiền lãi là 1.800.000 đồng. Tương ứng với mức lãi suất là 6.000 đồng/ngày/triệu hoặc 219%/năm (gấp 10,95 lần mức quy định). Từ khi vay Khiển đã trả tiền lãi đầy đủ theo thỏa thuận đến ngày 18/6/2023 (03 tháng tương ứng 90 ngày) với tổng số tiền là 5.400.000 đồng. Từ 19/6/2023 đến ngày 15/7/2023 (27 ngày) K chưa trả tiền lãi tương đương với số tiền là 1.620.000 đồng và L, K thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do L bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của L). Hiện còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 6.378.904 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 4.906.849 đồng.*

5.3. Lê Tiên S (hình thức vay lãi đứng):

- Lần vay thứ nhất: Ngày 01/6/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 01/6/2023 S trả tiền lãi đầy đủ đến 01/7/2023 (01 tháng tương ứng 30 ngày) với số tiền là 750.000 đồng và trả tiền gốc, hiện không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 667.808 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 08/6/2023, vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 08/6/2023 S trả tiền lãi đầy đủ đến 08/7/2023 (01 tháng tương ứng 30 ngày) với số tiền là 750.000 đồng. Từ 09/7/2023 đến 15/7/2023 (07 ngày) S chưa trả tiền lãi tương ứng với số tiền 175.000 đồng và L, S thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do L bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của L). Hiện còn nợ 5.000.000 đồng tiền gốc. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 798.630 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 667.808 đồng.*

5.4. Trần Hữu M (Hình thức vay lãi đứng và bóc bát họ):

- Lần vay thứ nhất: Hình thức vay lãi đứng, ngày 11/02/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 6.000 đồng/triệu/ngày hoặc 219%/năm (gấp 10,95 lần mức quy định). Từ ngày 11/02/2023 M trả tiền lãi đầy đủ đến 11/5/2023 (03 tháng tương ứng 90 ngày) với tổng số tiền là 5.400.000 đồng, thu lợi bất chính 4.906.849 đồng. Từ 12/5/2023 đến 15/7/2023 (64 ngày) M chưa trả tiền lãi tương đương với số tiền là 3.840.000 đồng và L, M thống nhất với nhau không phải trả số tiền này (do L bị cơ quan Công an triệu tập làm việc, ngoài mong muốn của L). Hiện còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu*

trách nhiệm hình sự là: 8.396.164 đồng. Số tiền thu lợi thực tế là: 4.906.849 đồng.

- Lần vay thứ hai: Hình thức bóc bát họ, ngày 15/6/2023, vay số tiền 15.000.000 đồng thỏa thuận trả trong vòng 42 ngày thành tổng số tiền là 21.000.000 đồng (trong đó 6.000.000 đồng là tiền lãi và 15.000.000 đồng là tiền gốc). Tương ứng với mức lãi suất là 9.523 đồng/ngày/triệu hoặc 347,5%/năm (gấp 17,37 lần mức quy định). Đã trả được 6.000.000 đồng hiện còn nợ 15.000.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 5.654.794 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Dương Ngọc L là: 94.783.417 đồng.

6. Bị can Vũ Thị Hoa T cho những người sau vay tiền:

6.1. Nguyễn Thị N (hình thức vay bóc bát họ).

- Lần vay thứ nhất: Ngày 08/9/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.561.643 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 12/10/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.561.643 đồng.*

- Lần vay thứ ba: Ngày 15/11/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.561.643 đồng.*

- Lần vay thứ tư: Ngày 21/12/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 14.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Hiện đã trả được số tiền 700.000 đồng còn nợ 13.300.000 đồng. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 3.780.821 đồng.*

6.2. Phạm Thị H (hình thức vay bóc bát họ).

- Lần vay thứ nhất: Ngày 20/10/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả

tiền đầy đủ của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.561.643 đồng.*

- Lần vay thứ hai: Ngày 30/11/2022, vay số tiền 10.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 14.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 4.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 3.780.821 đồng.*

6.3. Nguyễn Mạnh D (hình thức vay bốc bát họ): Khoảng tháng 10/2022, vay số tiền 20.000.000 đồng trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng). Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Đã trả tiền đầy đủ theo thỏa thuận của khoản vay này và không còn nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 7.561.643 đồng.*

6.4. Nguyễn Trung K (hình thức vay lãi đứng), ngày 09/4/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 5.000 đồng/triệu/ngày hoặc 182,5%/năm (gấp 9,1 lần mức quy định). Từ ngày 09/4/2023 đến ngày 24/5/2023 (45 ngày) Khiển trả tiền lãi đầy đủ với tổng số tiền là 4.500.000 đồng và trả tiền gốc hiện không nợ. *Thu lợi bất chính số tiền là: 4.006.849 đồng.*

6.5. Nguyễn Thị Thạch T (hình thức vay bốc bát họ): Trong tháng 12/2022, vay số tiền 20.000.000đồng, trả trong vòng 40 ngày thành tổng số tiền là 28.000.000đồng (trong đó tiền gốc là 20.000.000đồng, tiền lãi là 8.000.000 đồng).Tương ứng với mức lãi suất là 10.000 đồng/ngày/triệu hoặc 365%/năm (gấp 18,25 lần mức quy định). Từ khi vay Thảo trả được tổng số tiền là 3.300.000 đồng và nợ 24.700.000 đồng. Đến ngày 23/12/2022 Nguyễn Thị N nhận trả nợ cho Thảo số tiền trên. Do đó khoản vay này Thảo đã trả đầy đủ không còn nợ tiền. *Số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự là: 7.561.643 đồng.*

Tổng số tiền thu lợi bất chính tính truy cứu trách nhiệm hình sự của Vũ Thị Hoa T là: 56.938.349 đồng.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKS-P2 ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Vũ Thị Đ, Vũ Thị Hoa T, Nguyễn Thị Hoài T và Dương Ngọc L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Vũ Thị Hoa T, Nguyễn Thị Hoài T và Dương Ngọc L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt: Nguyễn Xuân H từ 230.000.000đồng đến 250.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt Vũ Duy Đ từ 06 tháng đến 12 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự. Phạt Vũ Thị Đ từ 70.000.000đồng đến 80.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự (chung cho cả 02 bị cáo L và Thương):

+ Phạt Dương Ngọc L từ 65.000.000đồng đến 75.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Phạt Nguyễn Thị Hoài T từ 60.000.000đồng đến 70.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 35, 50 Bộ luật Hình sự. Phạt Vũ Thị Hoa T từ 50.000.000đồng đến 60.000.000đồng nộp Ngân sách nhà nước.

* Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu khoản tiền gốc các bị cáo cho vay; khoản tiền gốc người vay chưa trả cho các bị cáo và khoản tiền lãi các bị cáo được phép thu theo mức lãi suất tối đa do Bộ luật dân sự quy định (20%/01 năm). Trả lại khoản tiền các bị cáo thu lời bất chính cho người vay.

- Về vật chứng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, không có tranh luận gì với luận tội của Kiểm sát viên và xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Giấy vay tiền, sổ tiền đã thanh toán, thời gian, ngày, giờ thanh toán và chứng từ sao kê ngân hàng, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận điều tra, bản cáo trạng nên có đủ cơ sở để kết luận: Từ giữa năm 2022 đến tháng 7/2023, các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Vũ Thị Hoa T, Nguyễn Thị Hoài T và Dương Ngọc L đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để kiếm lời. Cụ thể, hành vi của từng người như sau:

Nguyễn Xuân H cho 03 người vay, tổng số tiền gốc cho vay là 610.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 4.666 đồng đến 11.538 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 170,3% đến 421,2%/năm (gấp 8,5 lần đến 21,05 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **195.109.581 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **183.609.589 đồng**. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) H được phép thu là **17.890.411 đồng**

Vũ Duy Đ cho 03 người vay, tổng số tiền gốc cho vay là 205.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 5.000 đồng đến 8.333 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 182,5% đến 304,2% năm (gấp 9,1 lần đến 15,2 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **124.503.425 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **109.500.000 đồng**. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) Đức được phép thu là **13.846.575 đồng**.

Vũ Thị Đ cho 04 người vay, tổng số tiền gốc cho vay là 325.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 7.692 đồng đến 15.000 đồng/01 triệu/01 ngày, tương ứng với 280,8% đến 547,5%/năm (gấp 14 lần đến 27,4 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **94.298.630 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **86.298.630 đồng**. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) Đạt được phép thu là **6.701.370 đồng**.

Dương Ngọc L cho 04 người vay với tổng số tiền gốc là 325.000.000 đồng, mức lãi suất từ 5.000 đồng đến 9.524 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 182,5% đến 347,6%/năm (gấp 9,1 lần đến 17,4 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **94.783.425 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **80.946.575 đồng**. Số

tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) L được phép thu là **7.589.041 đồng**.

Nguyễn Thị Hoài T cho 01 người vay 10 lần với số tiền gốc là 280.000.000đồng, mức lãi suất từ 8.333 đồng đến 10,167 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 304,2% đến 371,1%/năm (gấp 15,2 lần đến 18,6 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **86.282.192 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **80.282.192 đồng**. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) Thương được phép thu là **5.917.808 đồng**.

Vũ Thị Hoa T cho 05 người vay với tổng số tiền gốc cho vay là 160.000.000 đồng, mức lãi suất từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/triệu/ngày, tương ứng với 182,5% đến 365%/năm (gấp 9,1 lần đến 18,3 lần) so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, số tiền thu lời bất chính bị truy cứu TNHS là **56.938.356 đồng**. Số tiền thu lời bất chính thực tế là **53.638.356 đồng**. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với khoản vay (20%/năm) Tiên được phép thu là **3.561.644 đồng**.

Hành vi của các bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, Đức thu lời bất chính số tiền từ 100.000.000đồng trở lên, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với các bị cáo theo khoản 2 Điều 201 BLHS; các bị cáo Đạt, Thương, L, Tiên thu lời bất chính số tiền dưới 100.000.000đồng nên bị truy tố theo khoản 1 Điều 201BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật .

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, HĐXX thấy:

Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn mang tính chất bóc lột làm cho người vay tiền L vào hoàn cảnh khó khăn, túng quẫn, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, sức khỏe của những người vay tiền và gia đình của họ. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng để nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân, nhận thức được việc cho vay lãi với mức lãi suất cao gấp 5 lần mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nH do mục đích thu lợi bất chính, vẫn cố ý thực hiện, do đó cần phải đưa ra xử lý nghiêm trước pháp luật.

Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện là độc lập, riêng rẽ, không liên quan đến nhau, do đó mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do từng người thực hiện.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, nên cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả 06 bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Dương Ngọc L, Nguyễn Thị Hoài T, Vũ Thị Hoa T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với Vũ Thị Hoa T tự nguyện đến Cơ quan công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của bản thân; Bị cáo H có mẹ đẻ là người có công với nước nên cho Tiến, H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Duy Đ có một tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xoá, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

* Về nhân thân: Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Dương Ngọc L, Nguyễn Thị Hoài T, Nguyễn Thị Hoa Tiến có nhân thân tốt. Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ trước đó từng bị kết án, trong đó Đức bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xoá án tích; Đạt bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, nH đã được xoá án tích.

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội do từng bị cáo thực hiện, căn cứ quy định tại Điều 201BLHS, HĐXX thấy, các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Đ, Dương Ngọc L, Nguyễn Thị Hoài T, Vũ Thị Hoa T có thể xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tính giáo dục, răn đe đối với các bị cáo mà không ảnh hưởng đến sự nghiêm M của pháp luật, cũng như công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Bị cáo Đức có một tiền án chưa được xoá nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly Đức ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Thị Đ, Dương Ngọc L, Nguyễn Thị Hoài T, Vũ Thị Hoa T bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không bị áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với Vũ Duy Đ bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù nên bị phạt bổ sung 50.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu khoản tiền gốc các bị cáo cho vay; khoản tiền gốc người vay chưa trả cho các bị cáo; khoản tiền lãi các bị cáo được phép thu theo mức lãi suất tối đa do Bộ luật dân sự quy định (20%/01 năm). Trả lại khoản tiền các bị cáo thu lời bất chính cho những người vay.

Cụ thể các khoản tiền bị tịch thu và được trả lại đối với từng người như sau:

STT	Họ và tên	Tổng số tiền gốc cho vay (đồng)	Các khoản tiền bị tịch thu và phải trả lại (đồng)			
			Tiền gốc tịch thu từ bị cáo	Tiền gốc tịch thu từ người vay	Tiền lãi 20%/01 năm tịch thu của bị cáo	Tiền thu lời bất chính bị cáo phải hoàn trả
1	Nguyễn Xuân H	610.000.000	480.000.000	130.000.000	17.890.411	183.609.589
2	Vũ Duy Đ	205.000.000	205.000.000	0	13.846.575	109.500.000
3	Vũ Thị Đ	325.000.000	312.500.000	12.500.000	6.701.370	86.298.630
4	Nguyễn Thị Hoài T	280.000.000	280.000.000	0	5.917.808	80.282.192
5	Dương Ngọc L	325.000.000	275.000.000	50.000.000	7.589.041	80.946.575
6	Vũ Thị Hoa T	160.000.000	150.000.000	10.000.000	3.561.644	53.638.356

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 100.000.000đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus màu hồng, số máy MQ8N2VN/A cùng 01 thẻ sim điện thoại thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Xuân H, đây là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị P (vợ H), không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Yên Bái đã trả lại cho chị Phát là phù hợp.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro max, số IMEI: 357771755122657, đã qua sử dụng của Dương Ngọc L; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 Pro max, số IMEI 35. 389310.75681.16, đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Hoài T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen, có seri: 354138636494643 của Nguyễn Xuân H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro max, số seri F2LG224R0D51, đã qua sử dụng của Vũ Thị Đ. Là tài sản hợp pháp của các bị cáo L, Thương, H, Đạt không liên quan đến hành vi phạm tội nên được trả lại cho các bị cáo.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 Pro max, số IMEI 35.389710375.0149, đã qua sử dụng của Vũ Duy Đ là công cụ, phương tiện Đức sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi cho vay lãi nặng nên bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Các vật chứng khác gồm: 01 vỏ hộp giấy hình chữ nhật và 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, không có giá trị sử dụng nên bị tịch thu tiêu hủy.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Vũ Thị Hoa T, Nguyễn Thị Hoài T và Dương Ngọc L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Dương Ngọc L, Nguyễn Thị Hoài T, Vũ Thị Hoa T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt: Nguyễn Xuân H 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn) nộp ngân sách nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, phạt: Vũ Duy Đ 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/7/2023 đến ngày 20/7/2023.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Đức 50.000.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. 3. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt Vũ Thị Đ 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng chẵn) nộp Ngân sách nhà nước.

2. 4. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt: Dương Ngọc L 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn) nộp ngân sách nhà nước.

2. 5. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt: Nguyễn Thị Hoài T 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn) nộp ngân sách nhà nước.

2. 6. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35, 50 Bộ luật Hình sự, phạt: Vũ Thị Hoa T 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

3.1. Đối với Nguyễn Xuân H:

- Tịch thu của Nguyễn Xuân H số tiền gốc cho vay là 480.000.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước;

- Tịch thu số tiền của 02 người vay (tiền vay gốc chưa trả H). Tổng số là 130.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước, cụ thể tịch thu của từng người như sau: Nguyễn Thị Bích Th 30.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc Y 100.000.000 đồng.

- Tịch thu từ Nguyễn Xuân H số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 17.890.411 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

- Buộc Nguyễn Xuân H trả lại tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 183.609.589 đồng cho ba người vay, cụ thể như sau: Nguyễn Thị Bích Th 115.963.014 đồng; Nguyễn Thị Thùy Linh 24.400.000 đồng; Nguyễn Ngọc Y 43.246.575 đồng.

3.2. Đối với Vũ Duy Đ:

- Tịch thu của Vũ Duy Đ số tiền gốc cho vay là 205.000.000 đồng, nộp Ngân sách nhà nước;

- Tịch thu từ Vũ Duy Đ số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 13.846.575 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

- Buộc Vũ Duy Đ trả lại tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 109.500.000 đồng cho 03 người vay, cụ thể như sau: Ngô Thanh T 81.472.603 đồng; Nguyễn Thị Bích Th 18.684.932 đồng; Hoàng Thị Thu Th 9.342.466 đồng.

3.3. Đối với Vũ Thị Đ

- Tịch thu của Vũ Thị Đ số tiền gốc cho vay là 312.500.000 đồng, nộp Ngân sách nhà nước;

- Tịch thu của của chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền 12.500.000 đồng (tiền gốc Nhung chưa trả Đạt) nộp ngân sách nhà nước;

- Tịch thu từ Vũ Thị Đ số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 6.701.370 đồng để nộp ngân sách nhà nước;

- Buộc Vũ Thị Đ trả lại tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 86.298.630 đồng cho 04 người vay, cụ thể từng người như sau: Nguyễn Thị H 37.369.863 đồng; Nguyễn Thị Bích Th 9.342.466 đồng; Nguyễn Thị Hồng N 14.150.685 đồng; Nguyễn Thị V 25.435.616 đồng.

3.4. Đối với Dương Ngọc L:

- Tịch thu của L số tiền gốc cho vay là 275.000.000 đồng, nộp Ngân sách nhà nước;
- Tịch thu của 03 người vay số tiền là 50.000.000 đồng (tiền gốc chưa trả L) nộp ngân sách nhà nước. Cụ thể, của từng người là: Nguyễn Trung K 20.000.000 đồng; Lê Tiến S 5.000.000 đồng; Trần Hữu M 25.000.000 đồng;
- Tịch thu từ L số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 7.589.041 đồng để nộp ngân sách nhà nước;
- Buộc L phải trả lại tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 80.946.575 đồng cho 04 người vay, cụ thể số tiền mỗi người được trả lại là: Hoàng Thị Thu Th 52.002.740 đồng; Nguyễn Trung K 17.046.575 đồng; Lê Tiến S 1.335.616 đồng; Trần Hữu M 10.561.644 đồng;

3.5. Đối với Nguyễn Thị Hoài T:

- Tịch thu của Thương số tiền gốc cho vay là 280.000.000 đồng, nộp Ngân sách nhà nước;
- Tịch thu từ Thương số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 5.917.808 đồng để nộp ngân sách nhà nước;
- Buộc Thương phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích Th, tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 80.282.192 đồng.

3.6. Đối với Vũ Thị Hoa T:

- Tịch thu của Tiến số tiền gốc cho vay là 150.000.000 đồng, nộp Ngân sách nhà nước;
- Tịch thu của Nguyễn Thị N 10.000.000 (tiền gốc chưa trả Tiến) nộp ngân sách nhà nước.
- Tịch thu từ Tiến số tiền lãi được phép thu theo mức lãi suất tối đa quy định tại BLDS (20%/01 năm) là 3.561.644 đồng để nộp ngân sách nhà nước;
- Buộc Tiến phải trả lại tiền thu lợi bất chính do bị cáo phạm tội mà có là 53.638.356 đồng cho 05 người vay, cụ thể số tiền mỗi người được trả lại là: Nguyễn Thị N 23.165.753 đồng; Phạm Thị H 11.342.466 đồng; Nguyễn Mạnh D 7.561.644 đồng; Nguyễn Trung K 4.006.849 đồng; Nguyễn Thị Thạch T 7.561.644 đồng;

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả cho:
 - + Dương Ngọc L: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro max, số IMEI: 357771755122657, đã qua sử dụng, trong máy có lắp sim điện

thoại, trên mặt sau của sim có ghi dãy số “89840.48000.33416.8291” và chữ “4G viettel”;

+ Nguyễn Thị Hoài T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 Pro max, số IMEI 35. 389310.75681.16, đã qua sử dụng. Trong máy điện thoại có lắp sim điện thoại trên mặt sau của sim có ghi dãy số “8984.0480.0000.1783.602” và chữ “4G viettel”;

+ Nguyễn Xuân H: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu nokia màu đen, có seri: 354138636494643, trong máy điện thoại có lắp hai sim điện thoại, trên mặt sau của sim thứ nhất có ghi dãy số “898402000”; “11470719483; “Vinaphone”; của sim thứ hai có dãy số “8984048841007513957”, “Vietel”;

+ Vũ Thị Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Promax, số seri F2LG224R0D51, đã qua sử dụng. Trong máy điện thoại có lắp sim điện thoại trên mặt sau của sim có ghi dãy số “89840.48000.90938.8693” và chữ “4G Viettel”.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 11 Pro max, số IMEI 35.389710.375.0149, đã qua sử dụng. Trong máy điện thoại có lắp sim điện thoại trên mặt sau của sim có ghi dãy số “8984.04800.03246.73638” và chữ “Viettel 4G” của Vũ Duy Đ.

-Tịch thu tiêu huỷ: 01 vỏ hộp giấy hình chữ nhật và 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái ngày 03 tháng 10 năm 2023).

5. Về án phí:

Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo Nguyễn Xuân H, Vũ Duy Đ, Vũ Thị Đ, Nguyễn Thị Hoài T, Vũ Thị Hoa T và Dương Ngọc L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TPYB;
- CA tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo TN (06);
- Người có ql, nvlq (17);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố YB;
- Hồ sơ NVCA tỉnh YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thuỷ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TPYB;
- CA tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo TN (06);
- Người có ql, nvlq (17);
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- THADS thành phố YB;
- Hồ sơ NVCA tỉnh YB;
- THA phạt tù (2);
- Lưu HS, TA.